TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 72/2023/DS-ST. Ngày 11 – 5 – 20223 V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Lý Thị Thu Thuý.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Chí Khánh. Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST – DS, ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST – DS, ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2023/QĐST – DS ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Văn T.

Địa chỉ: Khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Tiết Ninh K. Địa chỉ: Ấp 6, xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (Đại diện theo văn bản uỷ quyền ngày 10/11/2022). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Hoàng N.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn T do anh Tiết Ninh K đại diện trình bày: Do quen biết nên vào ngày 30/5/2019, ông Phan Văn T có cho ông Triệu Hoàng N vay số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, có làm biên nhận. Đến ngày 25/9/2019 ông

Triệu Hoàng N tiếp tục vay thêm số tiền 40.000.000 đồng. Tổng số tiền mà ông Triệu Hoàng N đã vay của ông Phan Văn T là 110.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay ông Triệu Hoàng N hứa hẹn nhiều lần nhưng chưa thanh toán số tiền nợ vốn, lãi cho ông Thảo. Ông Phan Văn T yêu cầu ông Triệu Hoàng N phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ vốn tổng cộng là 110.000.0000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền đến nay.

Tại phiên tòa, anh Tiết Ninh K đại diện cho ông Phan Văn T giữ nguyên yêu cầu như trước đây.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là ông Triệu Hoàng N đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình. Tại phiên tòa bị đơn là ông Triệu Hoàng N vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Phan Văn T có nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là biên nhận vay tiền của ông Triệu Hoàng N ngày 30/5/2019 số tiền 70.000.000 đồng và ngày 25/9/2019 số tiền 40.000.000 đồng (bản chính). Ông Triệu Hoàng N không có giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan Văn T khởi kiện ông Triệu Hoàng N cho rằng ông Nam vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay theo biên nhận nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Triệu Hoàng N có nơi cư trú khi xác lập giao dịch tại khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Triệu Hoàng N có vay của ông Phan Văn T số tiền tổng cộng là 110.000.000 đồng, vào ngày 30/5/2019 vay 70.000.000 đồng và ngày 25/9/2019 vay 40.000.000 đồng, có làm biên nhận, có thoả thuận lãi suất là 3%/tháng, trong biên nhận thỏa thuận thời hạn năm tháng trả. Sau khi vay tiền đến nay ông Phan Văn T yêu cầu trả nợ nhưng ông Triệu Hoàng N không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu ông Triệu Hoàng N trả nợ theo biên nhận. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho các đương sự hòa giải để trình bày và thỏa thuận với nhau về số tiền nợ nhưng ông Triệu Hoàng N đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Ông Triệu Hoàng N cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì để chứng minh là không có nợ hoặc đã trả hết nợ cho ông Thảo. Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập

được có trong hồ sơ vụ việc". Do ông Triệu Hoàng N không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là không có nợ ông Thảo, trong khi ông Thảo cung cấp được biên nhận ông Triệu Hoàng N có nợ số tiền tổng cộng 110.000.000 đồng có chữ ký của ông Triệu Hoàng N nên Hội đồng xét xử xác định việc khởi kiện của ông Phan Văn T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về phần lãi suất: Tại phiên toà anh Tiết Ninh K đại diện cho ông Phan Văn T cho rằng ông Triệu Hoàng N chưa đóng lãi số tiền đã vay, ông Triệu Hoàng N không có ý kiến và cũng không cung cấp cho Toà án chứng cứ gì để chứng minh là đã đóng lãi cho ông Thảo, nên Hội đồng xét xử xác định ông Triệu Hoàng N chưa đóng lãi số tiền đã vay cho ông Thảo. Nay ông Phan Văn T yêu cầu tính lãi suất trên số tiền tổng cộng 110.000.000 đồng, với mức lãi 20%/năm (1,66%/tháng), kể từ ngày vay tiền của từng lần vay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cách tính như sau:

70.000.000 đồng x 1,66%/tháng x (1.421 ngày : 30 ngày (từ ngày 30/5/2019 đến ngày 11/5/2023)) = 55.040.000 đồng.

40.000.000 đồng x 1,66%/tháng x (1.304 ngày : 30 ngày (từ ngày 25/9/2019 đến ngày 11/5/2023)) = 28.861.800 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 83.901.800 đồng

Như vậy, ông Triệu Hoàng N phải có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn T số tiền còn nợ tổng cộng vốn, lãi là 110.000.000 đồng + 83.901.800 đồng = 193.901.800 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông Triệu Hoàng N phải chịu. Nguyên đơn ông Phan Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với ông Triệu Hoàng N dù đã được Tòa án triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Triệu Hoàng N phải có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn T số tiền vay còn nợ tổng cộng là 193.901.800 (một trăm chín mươi ba triệu chín trăm lẻ một nghìn tám trăm) đồng.

Trong đó: Tiền vốn gốc là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng; tiền lãi là 83.901.800 (tám mươi ba triệu chín trăm lẻ một nghìn tám trăm) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Triệu Hoàng N phải chịu 9.695.000 (chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Ông Phan Văn T được nhận lại 4.675.000 (bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001614 ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận hoặc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Nguyên đơn ông Phan Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Triệu Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện